

Phụ lục II
DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Thông tư số: /2025/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 9 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Stt	Tên Báo cáo	Đề cương báo cáo	Biểu mẫu số liệu	Thời hạn gửi báo cáo	Cơ quan thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo
Đề cương báo cáo số 01	Báo cáo kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ¹	x	x	Trước ngày 30/11	Thành viên Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp xã, phường	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện)
Báo cáo lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan						
Đề cương báo cáo số 02	Báo cáo về hoạt động của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan năm ²	x	x	Trước ngày 15/12	Các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương báo cáo số 03	Báo cáo về hoạt động của tổ chức tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan ³	x		Trước ngày 15/12	Các tổ chức tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức	x		- Kỳ 6 tháng	Các tổ chức giám định	Bộ Văn hóa, Thể

¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

² Theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

³ Theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

báo cáo số 04	giám định quyền tác giả, quyền liên quan ⁴			đầu năm: Trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo) - Kỳ báo cáo năm (Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo)	quyền tác giả, quyền liên quan	thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Đề cương báo cáo số 05	Báo cáo về hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và đọc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp ⁵	x		Trước ngày 15/12	Các tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và đọc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)
Báo cáo lĩnh vực thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại						

⁴ Theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

⁵ Theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

Đề cương báo cáo số 06	Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ⁶	x		Trước ngày 15/12	Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại)
Đề cương báo cáo số 07	Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ⁷	x		Trước ngày 15/12	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại)
Báo cáo lĩnh vực xuất bản và phát hành						
Báo cáo số 08	Báo cáo hoạt động xuất bản ⁸		x	Kỳ 6 tháng đầu năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước	Các Nhà xuất bản	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)

⁶ Thông tư 02/2019/TT-BTTTT ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thời hạn báo cáo: định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm; Báo cáo của địa phương theo Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

⁷ Thông tư 02/2019/TT-BTTTT ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ TTTT hướng dẫn về quản lý hoạt động TTĐN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thời hạn báo cáo: định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm; Báo cáo của địa phương theo Thông tư số 22/2016/TT-BTTTT ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Hướng dẫn quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

⁸ Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật Xuất bản; khoản 7 Điều 2 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023); Hiện đang có hiệu lực tại Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TTTT.

				ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo.		
			x	Kỳ báo cáo năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Đề cương báo cáo số 09	Báo cáo tình hình hoạt động của văn phòng đại diện	x		- Kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Kỳ báo cáo năm: Thời gian chốt số liệu báo	Văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, thành phố nơi đặt Văn phòng đại diện.

				cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Đề cương báo cáo số 10	Báo cáo kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm		x	Kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 6 của kỳ báo cáo.	Cơ sở phát hành xuất bản phẩm	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao
		x	x	Kỳ báo cáo năm: - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của		

				kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 16 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Báo cáo số 11	Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh ⁹		x	03 tháng /lần (báo cáo quý): - Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. - Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 18 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo	Cơ sở/ doanh nghiệp nhập khẩu xuất bản phẩm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)
Đề cương báo cáo số 12	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản	x	x	- Kỳ 6 tháng đầu năm: trước ngày 18 tháng 6 kỳ báo cáo. - Kỳ báo cáo năm: trước	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Xuất bản, In và Phát hành)

⁶ Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Luật Xuất bản; khoản 7 Điều 2 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Điều 2 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023); Hiện đang có hiệu lực tại Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TTTT.

				ngày 18 tháng 12 của kỳ báo cáo.		
Báo cáo lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử¹⁰ (Địa chỉ nhận báo cáo https://report.abei.gov.vn/).						
Đề cương báo cáo số 13	Báo cáo tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình			6 tháng/1 năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 14	Báo cáo đánh giá về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 15	Báo cáo đánh giá về tỷ lệ nội dung, thời lượng chương trình dân tộc trên phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 16	Báo cáo về tỷ lệ phát sóng phim Việt Nam, phim dành cho trẻ em dưới 16 tuổi trên truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 17	Báo cáo về hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động liên kết sản xuất	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

¹⁰ Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đề cương báo cáo số 18	Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu.			Năm	Các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 19	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 20	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 21	Báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.			6 tháng/1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 22	Báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.			6 tháng/ 1 năm	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 23	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024		Năm (25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp trong nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

		của Chính phủ				
Đề cương báo cáo số 24	Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		Năm (25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 25	Báo cáo hoạt động cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		Năm (25/11 hàng năm)	Các nền tảng cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 26	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	Mẫu số 47 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		6 tháng/1 năm (Chậm nhất ngày 06/6 và 25/11 hàng năm)	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 27	Báo cáo hoạt động quản lý nhà nước về thông tin điện tử trên mạng	Điểm b, khoản 10 Điều 24 Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày		6 tháng/1 năm (Chậm nhất ngày 08/6 và 25/11 hàng năm)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

		09/11/2024 của Chính phủ				
Đề cương báo cáo số 28	Báo cáo về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử			Hàng Quý	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)
Đề cương báo cáo số 29	Báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng tại địa phương	Biểu mẫu số 48 ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ- CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ		6 tháng/1 năm (chậm nhất ngày 08/6 và 27/11 hàng năm)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 01

(Áp dụng đối với Thành viên Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo phong trào
“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện Phong trào****“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm...**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình
2. Công tác chỉ đạo, triển khai phong trào
 - a) Hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh/thành
 - b) Công tác tuyên truyền
 - c) Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động Phong trào

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO NĂM...

1. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.
2. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc, tiêu biểu; khu dân cư văn hóa, tiêu biểu.
3. Thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trong giai đoạn mới.
4. Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa.
5. Lồng ghép thực hiện các cuộc vận động, phong trào hiện có gắn với thực hiện các nhiệm vụ, kinh tế, xã hội và chuyên môn nghiệp vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHONG TRÀO NĂM...**1. Phương hướng****2. Nhiệm vụ****IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ****Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 001-TĐĐKXDĐSVH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ PHONG TRÀO
TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA

Stt	Nội dung	Năm...
1 .	Công tác tập huấn	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
	- Cấp xã:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
2 .	Công tác tuyên truyền	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
	- Cấp xã:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
3 .	Khen thưởng (tập thể)	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
4 .	Kinh phí cấp cho Ban Chỉ đạo	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp xã	
5 .	Phong trào Thể dục thể thao	
	- Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	
	- Tỷ lệ trên tổng số dân (%)	
6 .	Tổng số “người tốt, việc tốt” được bình xét	

(Kèm theo Đề cương báo cáo số 01)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 02*(Áp dụng đối với các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan)***TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹¹.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan¹²:
- Thành lập năm... theo văn bản cho phép thành lập của cơ quan/ tổ chức
- Lĩnh vực đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan:
- Số lượng hội viên (là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan) đã ký hợp đồng ủy thác quyền tác giả, quyền liên quan từ khi thành lập đến nay:.....
- Số lượng tác phẩm/cuộc biểu diễn/bản ghi âm, ghi hình/chương trình phát sóng đã được tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quản lý theo hợp đồng từ khi thành lập đến nay:

2. Kết quả hoạt động năm...

STT	Nội dung	Số liệu
1	Tổng số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan ¹³ được ủy quyền trong năm ...	
1.1	Số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân Việt Nam trong năm ...	

¹¹ Tên của Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.¹² Tính đến tháng 7/2025 có 06 tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam, bao gồm: (1) Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam; (2) Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam; (3) Hiệp hội Công nghiệp ghi âm Việt Nam; (4) Hiệp hội Quyền sao chép Việt Nam; (5) Hội Bảo vệ quyền của nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc Việt Nam; (6) Hội Bảo vệ quyền đối với tác phẩm điện ảnh và phim truyền hình Việt Nam. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan (Luật Sở hữu trí tuệ, các văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành) và về hội (Nghị định, Thông tư quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội).¹³ Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu (khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ). Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tính hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa (khoản 3 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ).

1.2	Số tiền bản quyền thu được từ cho phép khai thác quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng tại Việt Nam theo thỏa thuận đại diện có đi có lại với các tổ chức tương ứng của tổ chức quốc tế và quốc gia trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trong năm ...	
2	Tổng số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quyền trong năm	
2.1	Số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan Việt Nam đã ủy thác quyền trong năm ...	
2.2	Số tiền đã phân phối về cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nước ngoài có tác phẩm/ cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng sử dụng tại Việt Nam theo thỏa thuận đại diện có đi có lại với các tổ chức tương ứng của tổ chức quốc tế và quốc gia trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trong năm ...	
3	Số lượng hội viên ký hợp đồng ủy thác quyền tác giả, quyền liên quan trong năm	
4	Số lượng tác phẩm/ cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng đã được tác giả/ chủ sở hữu quyền tác giả/ chủ sở hữu quyền liên quan ủy thác quản lý theo hợp đồng trong năm	

Các nội dung về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan: sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế hoạt động; cơ chế quản lý tài chính; thay đổi nhân sự lãnh đạo; tham gia các tổ chức quốc tế; các hoạt động đối ngoại khác; biểu mức, phương thức thanh toán tiền bản quyền; chương trình kế hoạch dài hạn và hàng năm; tình hình hoạt động, ký hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cấp phép sử dụng; tình hình hội viên ủy quyền, số lượng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được ủy quyền; hoạt động thu, mức thu, phương thức phân chia, cách thức thực hiện việc phân chia tiền bản quyền, quy chế thu và phân chia tiền bản quyền; báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; các hoạt động liên quan khác.

3. Khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; nguyên nhân và giải pháp

4. Phương hướng, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo

5. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;

-...

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 03*(Áp dụng đối với các Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan)***TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹⁴.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức, địa chỉ.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.

2. Kết quả hoạt động trong năm

1. Hoạt động tư vấn liên quan đến quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Hoạt động đại diện cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan tiến hành thủ tục nộp đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền.

- Hoạt động tham gia các quan hệ pháp luật khác về quyền tác giả, quyền liên quan (nếu có).

3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...**4. Kế hoạch hoạt động năm tới...****Nơi nhận:**

- Như trên;

-...

- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

¹⁴ Tên của Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 04

(Áp dụng đối với Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Về hoạt động 6 tháng/năm..... của....¹⁵.....

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức giám định (theo Quyết định thành lập/cho phép hoạt động).
- Địa chỉ trụ sở.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.
- Danh sách giám định viên và lĩnh vực giám định đang hoạt động.

2. Kết quả hoạt động giám định trong kỳ...

3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...

4. Kế hoạch hoạt động thời gian tới...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

¹⁵ Tên của Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 05

(Áp dụng đối với Tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và độc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:... /BC-.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về hoạt động năm của....¹⁶.....**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả)

1. Thông tin chung về tổ chức

- Tên tổ chức (theo Giấy phép/Quyết định thành lập), địa chia.
- Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu tổ chức.
- Chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận tác phẩm.
- Cơ cấu nhân sự, bộ phận trực tiếp triển khai dịch vụ.

2. Kết quả hoạt động trong năm

- Danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức, việc công khai danh mục này trên trang thông tin điện tử của tổ chức, địa chỉ trang thông tin điện tử.
- Thực hiện hoạt động theo quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Đánh giá, nhận xét, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị...**4. Kế hoạch hoạt động năm tới...****Nơi nhận:**

- Như trên;

-...

- Lưu: VT.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

¹⁶ Tên của Tổ chức quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 30 Nghị định 17/2023/NĐ-CP.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 06*(Áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ)***BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO TỔNG KẾT**Công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại...****I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH****1. Thuận lợi****2. Khó khăn****II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động thông tin đối ngoại****2. Phân công tổ chức, bố trí nhân sự phụ trách công tác thông tin đối ngoại****3. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin đối ngoại****4. Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án thông tin đối ngoại****5. Các hoạt động thông tin đối ngoại cụ thể**

a) Công tác theo dõi thông tin; phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

b) Cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại

c) Sản xuất xuất bản phẩm thông tin đối ngoại

d) Tổ chức sự kiện thông tin đối ngoại trong và ngoài nước

đ) Hỗ trợ, hợp tác với báo chí nước ngoài để quảng bá Việt Nam

e) Các hình thức khác (nếu có)

6. Kinh phí**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1. Ưu điểm****2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân****IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TỚI****V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT***Nơi nhận:*

-

-

- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 07

(Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...., ngày tháng năm

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI...**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động thông tin đối ngoại

2. Bố trí nhân sự phụ trách công tác thông tin đối ngoại

3. Công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ

4. Công tác tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực thông tin đối ngoại

5. Triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại

6. Kinh phí

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM TỚI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Bộ VH-TT-DL;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 008-XBPH*(Áp dụng đối với các nhà xuất bản)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN...**
NHÀ XUẤT BẢN...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../BC- ⁽¹⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**Hoạt động xuất bản 6 tháng đầu năm.....****I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM****1. Kết quả thực hiện xuất bản⁽²⁾**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng (3)
I	Thực hiện xuất bản xuất bản phẩm (Mục I.1+I.2)	XBP	
		Nghìn bản	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.1	Xuất bản phẩm in (Mục I.1= mục I.1.1 + I.1.2)	XBP	
		Nghìn bản	
I.1.1	Xuất bản phẩm dạng sách in	Cuốn	
		Nghìn bản	
I.1.2	Xuất bản phẩm khác (các loại lịch, áp-phích, tờ rời, tờ gấp...)	XBP	
		Nghìn bản	
I.2	Xuất bản phẩm điện tử (Mục I.2= mục I.2.1 + I.2.2)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.1	Sách điện tử	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.2	Xuất bản phẩm điện tử khác (...)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
II	Doanh thu	Tỷ đồng	

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị**3. Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị****II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM (nếu có)**

(1) Tên viết tắt của đơn vị báo cáo

(2) Kết quả thực hiện xuất bản có thể lập thành phụ lục riêng kèm theo báo cáo.

(3) Ghi số liệu tách thành 2 loại: Nghìn bản đối với xuất bản phẩm in, Nghìn lượt phát hành đối với xuất bản phẩm điện tử, Nghìn bản đối với xuất bản phẩm điện tử được lưu ở các thiết bị lưu trữ dạng USB, CD, VCD, DVD...

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Cục XBIPH;
- Cơ quan chủ quản NXB;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 008-XBPH*(Áp dụng đối với các nhà xuất bản)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN...
NHÀ XUẤT BẢN...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:...../BC-.....⁽¹⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**Hoạt động xuất bản năm.....****A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN****I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xuất bản⁽²⁾**

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng (3)
I	Thực hiện xuất bản xuất bản phẩm (I= I.1+ I.2)	XBP	
		Nghìn bản	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.1	Xuất bản phẩm in (Mục I.1= I.1.1 + I.1.2)	XBP	
		Nghìn bản	
I.1.1	Xuất bản phẩm dạng sách in	Cuốn	
		Nghìn bản	
	<i>Chi tiết mục I.1.1 (Mục I.1.1= a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
b	Liên kết xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
c	Sách tái bản	Cuốn	
		Nghìn bản	
I.1.2	Xuất bản phẩm khác (các loại lịch, áp-phích, tờ rời, tờ gấp...)	XBP	
		Nghìn bản	
	<i>Chi tiết mục I.1.2 (I.1.2=a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	XBP	
		Nghìn bản	
b	Liên kết	XBP	
		Nghìn bản	
c	Xuất bản phẩm tái bản	XBP	
		Nghìn bản	
I.2	Xuất bản phẩm điện tử (Mục I.2 = I.2.1 + I.2.2)	XBP	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.1	Sách điện tử	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt	

		phát hành	
	<i>Chi tiết mục I.2.1 (Mục 1.2.1 = a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
b	Liên kết xuất bản	Cuốn	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
c	Xuất bản phẩm tái bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
I.2.2	Xuất bản phẩm điện tử khác (...)	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
	<i>Chi tiết mục I.2.2 (Mục II.2.2= a+b)</i>		
a	Tự xuất bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
b	Liên kết xuất bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	
c	Xuất bản phẩm tái bản	Xuất bản phẩm	
		Nghìn bản/ Nghìn lượt phát hành	

II. Kết quả sản xuất, kinh doanh

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	So sánh năm... (%)
1	Tổng số vốn	Tỷ đồng		
2	Tổng doanh thu (Mục 2=2.1+2.2)	Tỷ đồng		
2.1	Tự doanh	Tỷ đồng		
2.2	Liên doanh, liên kết	Tỷ đồng		

3	Tổng chi phí	Tỷ đồng		
4	Các khoản nộp ngân sách (Mục 4=4.1+4.2+4.3)	Tỷ đồng		
4.1	Thuế GTGT	Tỷ đồng		
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng		
4.3	Các loại thuế khác	Tỷ đồng		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng		
	Trong đó: Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng		

III. Cơ cấu tổ chức:

1	Các chức danh lãnh đạo	Người	
2	Các phòng ban, bộ phận	Phòng	
3	Tổng số lao động	Người	
3.1	Biên tập viên	Người	
3.2	Khối văn phòng	Người	
3.3	Công nhân, nhân viên	Người	
4	Trình độ (Mục 4=4.1+4.2+4.3)	Người	
4.1	Trên đại học	Người	
4.2	Đại học	Người	
4.3	Khác	Người	

IV. Đánh giá

1. Ưu điểm
2. Tồn tại, hạn chế
3. Khó khăn, vướng mắc
4. Nguyên nhân

V. Kiến nghị, đề xuất

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM TIẾP THEO (nếu có)

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Cục XBIPH;
- Cơ quan chủ quản NXB;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Tên viết tắt của đơn vị báo cáo

(2) Kết quả thực hiện xuất bản có thể lập thành phụ lục riêng kèm theo báo cáo

(3) Ghi số liệu tách thành 2 loại: Nghìn bản đối với xuất bản phẩm in, Nghìn lượt phát hành đối với xuất bản phẩm điện tử, Nghìn bản đối với xuất bản phẩm điện tử được lưu ở các thiết bị lưu trữ dạng USB, CD, VCD, DVD...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 09*(Áp dụng đối với văn phòng đại diện)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / (nếu có)

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện.....

(Từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... năm.....)⁽¹⁾

1. Báo cáo nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (nêu rõ công việc đã thực hiện và kết quả):

- Tuyên truyền, giới thiệu về xuất bản phẩm (số lượng cụ thể);
- Xúc tiến hợp tác về xuất bản, in, phát hành, bản quyền tác giả;
- Các hoạt động khác (nếu có).

2. Về tổ chức, nhân sự của Văn phòng đại diện

- Người đứng đầu:
- Quốc tịch:
- Số lượng nhân viên;
- Các thay đổi về nhân sự, địa điểm của Văn phòng đại diện (nếu có);
- Hoạt động khác (nếu có).

3. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động Văn phòng đại diện:

- Các quy định pháp luật về xuất bản;
- Các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Các nội dung khác (nếu có).

4. Đề xuất, kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước (nếu có)

-

Nơi nhận:

- Sở VH TTDL/VHTT.....;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 010-XBPH
(Áp dụng đối với cơ sở phát hành xuất bản phẩm)
(Kèm theo Đề cương số 10)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC- (1)

..., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm 6 tháng đầu năm.....⁽²⁾

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Năm.....		
			Thực hiện	% so với kế hoạch năm trước	% so với cùng kỳ năm trước
1	Tổng số sách phát hành	Bản			
	Trong đó:				
	- Sách giáo khoa				
2	Tổng số xuất bản phẩm phát hành	Bản			
	- Lịch Bloc				
	- Các mặt hàng khác				
3	Xuất nhập khẩu (nếu có)	Tờ, bản			
	- Nhập khẩu:				
	+ Tổng số sách				
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
	- Xuất khẩu:				
	+ Tổng số sách				
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
4	Tổng số doanh thu:	Triệu đồng			
	- Doanh thu từ sách				
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm				
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	USD			
6	Tổng kim ngạch nhập khẩu (nếu có)	USD			
7	Tổng số cửa hàng	Cửa hàng			
	- Xây dựng và sửa chữa mới				

Nơi nhận:

- Sở VH TTDL/Sở VH TT....
- Lưu: VT.

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Tên viết tắt của cơ sở báo cáo;
⁽²⁾ Biểu mẫu số liệu chi tiết kèm theo báo cáo;

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 10*(Áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phát hành xuất bản phẩm)***TÊN ĐƠN VỊ.....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số /BC-⁽¹⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM NĂM ...****I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG****1. Thuận lợi****2. Khó khăn****II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****1. Phục vụ nhiệm vụ chính trị****2. Hoạt động kinh doanh**

- Tình hình hoạt động kinh doanh.
- Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo kết quả hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo mẫu đính kèm ⁽²⁾.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)**Nơi nhận:**

- Sở VH TTDL/Sở VH TT...
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

(1) Tên viết tắt của cơ sở báo cáo

(2) Phụ lục số liệu chi tiết kèm theo báo cáo

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 010-XBPH
(Kèm theo Đề cương số 10)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM NĂM ...
(Kèm theo Báo cáo số: ngày..... tháng..... năm.....)

TT	Diễn giải ⁽¹⁷⁾	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Tăng, giảm so với năm liền trước (%)
1	Tổng số sách phát hành	Bản		
	Trong đó:			
	- Sách giáo khoa			
2	Tổng số xuất bản phẩm phát hành	Bản		
	- Lịch Bloc			
	- Các mặt hàng khác			
3	Xuất nhập khẩu (nếu có)	Tờ, bản		
	- Nhập khẩu:			
	+ Tổng số sách			
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách			
	- Xuất khẩu:			
	+ Tổng số sách			
	+ Tổng số xuất bản phẩm không phải sách			
4	Tổng số doanh thu	Triệu đồng		
	Trong đó:			
	- Doanh thu từ sách			
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm			
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	USD		
6	Tổng kim ngạch nhập khẩu (nếu có)	USD		
7	Tổng các khoản nộp ngân sách	Triệu đồng		
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		
9	Tổng số lao động	Người		
10	Tổng số địa điểm kinh doanh	Điểm		
	- Cửa hàng, siêu thị tại trung tâm tỉnh			
	- Cửa hàng tại huyện, thị xã			
	- Xây dựng và sửa chữa mới			
	- Dự kiến xây dựng, sửa chữa			

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

¹⁷ Cơ sở phát hành xuất bản phẩm có nhiều chi nhánh, địa điểm kinh doanh phải tổng hợp số liệu, kết quả để báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 011-XBIPH
(Áp dụng cho các doanh nghiệp nhập khẩu xuất bản phẩm)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) ...
TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU XUẤT BẢN PHẨM...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Tổng hợp kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh⁽¹⁾

STT	Mã ISBN	Nhà xuất bản	Tên gốc của xuất bản phẩm	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Số lượng (bản)	Số hiệu đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	Số hiệu của giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu	Kết quả thẩm định	Kết luận của người đứng đầu cơ sở nhập khẩu
1									
2									
3									
4									
5									
...									

Nơi nhận:

- Cục Xuất bản, In và Phát hành;
- Lưu: VT,....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

Chú thích: (1) Mẫu này sử dụng đối với cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, được lập định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 12

(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/
Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)...
SỞ VH-TTDL/VHTT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

Số:.../BC-.....

BÁO CÁO**Công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản⁽¹⁾****I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM⁽²⁾**

Tổng hợp, đánh giá tình hình chung về hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, nguồn nhân lực ... và việc chấp hành các quy định của pháp luật của các đơn vị trên địa bàn.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÁC LĨNH VỰC XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

3. Công tác giải quyết thủ tục hành chính (cấp phép, đăng ký, xác nhận....có danh mục số liệu cụ thể kèm theo)

3.1. Lĩnh vực xuất bản

3.2. Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm (có số liệu cụ thể)

5. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

6. Công tác khác phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT****Nơi nhận:**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Cục Xuất bản, In và Phát hành;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Báo cáo phải kèm theo các phụ lục Bảng tổng hợp số liệu

(2) Tổng hợp và đánh giá khái quát tình hình, các ưu điểm, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

(3) Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

BIỂU MẪU SỐ LIỆU SỐ 012-XBIPH
(Kèm theo Đề cương báo cáo số 12)

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....
SỞ VH TTDL/VHTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU
(Kèm theo báo cáo số:...../BC-SVHTTDL/SVHTT ngày.... tháng.....năm.....)

I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm %)	Ghi chú
1	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài	Phụ lục			
		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt	Văn phòng			

		Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	đại diện			
2	Số lượng giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		Giấy phép			
3	Số lượng tài liệu không kinh doanh nộp lưu chiểu		XBP			
4	Độc kiểm tra lưu chiểu		XBP			

II. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu/báo cáo		Đơn vị tính	Số lượng	So với cùng kỳ năm trước (tăng, giảm %)	Ghi chú
1	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Số lượng giấy phép đã cấp	Giấy phép			
		Số lượng tên xuất bản phẩm	Cuốn			
		Số lượng bản xuất bản phẩm nhập khẩu	Bản			
2	Số liệu liên quan đến văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp mới	Giấy phép			
		Số lượng giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - cấp lại	Giấy phép			
		Số lượng đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			
		Số lượng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Phụ lục			

		Tổng số văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trên địa bàn	Văn phòng đại diện			
3	Số lượng giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ		Giấy phép			
4	Số lượng xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		Giấy xác nhận			
5	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm (Trung tâm, siêu thị, nhà sách, cửa hàng, hộ kinh doanh)		Cơ sở			
6	Tổng số cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập		Cửa hàng			
7	Tổng số lao động của cơ sở phát hành xuất bản phẩm		Người			
8	Tổng số xuất bản phẩm phát hành		Triệu bản			
8.1	Số sách phát hành		Triệu bản			
	Trong đó:					
8.1.1	Sách giáo khoa		Triệu bản			
8.2	Số xuất bản phẩm phát hành		Triệu bản			
8.2.1	Lịch Bloc		Triệu bản			
8.2.2	Các mặt hàng khác		Triệu bản			
9	Xuất nhập khẩu (nếu có)		Tờ, bản			
9.1	Nhập khẩu:					
9.1.1	Tổng số sách					
9.1.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách					

9.2	Xuất khẩu:				
9.2.1	Tổng số sách				
9.2.2	Tổng số xuất bản phẩm không phải sách				
10	Tổng số doanh thu	Tỷ đồng			
	Trong đó:				
	- Doanh thu từ sách				
	- Doanh thu từ xuất bản phẩm				
11	Tổng kim ngạch xuất khẩu <i>(nếu có)</i>	Triệu USD			
12	Tổng kim ngạch nhập khẩu <i>(nếu có)</i>	Triệu USD			
13	Tổng các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng			Năm
14	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			Năm

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)***GIÁM ĐỐC***(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 13*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động phát thanh/truyền hình***(Kỳ báo cáo: 06 tháng/01 năm)*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

I. Cơ cấu tổ chức

1. Tổng số nhân sự, nêu rõ sự tăng/giảm về số lượng nhân sự (Đối với báo cáo năm, thống kê rõ về Giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, Đảng, Đoàn).

2. Số lượng phòng, ban chuyên môn.

II. Kết quả công tác trong tháng/quý/năm

1. Việc thực hiện Giấy phép đã được cấp:

a) Thời lượng chương trình tự sản xuất mới của kênh chương trình/ngày.

b) Thời lượng phát sóng mới của kênh chương trình/ngày.

c) Cơ cấu tỷ trọng các chuyên mục trên kênh theo bảng cấu tạo khung chương trình cơ bản.

2. Trọng tâm của công tác tuyên truyền:

a) Ưu điểm.

b) Hạn chế.

c) Nguyên nhân.

3. Hoạt động nghiệp vụ sản xuất chương trình:

a) Trên sóng phát thanh

- Tổng số tin, bài, chương trình đã phát.

- Tổng thời lượng (số giờ) đã phát (phát mới, phát lại).

- Số giờ/chương trình tiếng dân tộc.

- Số giờ/chương trình tiếng nước ngoài.

- Số giờ tiếp sóng các kênh của VOV (nếu có, nếu tiếp nhiều kênh, ghi cụ thể).

- Một số chương trình tiêu biểu.

b) Trên sóng truyền hình

- Tổng số tin, bài, chương trình đã phát.
- Tổng thời lượng (số giờ) đã phát (phát mới, phát lại).
- Một số chương trình tiêu biểu.
- Số giờ/chương trình tiếng dân tộc.
- Số giờ/chương trình tiếng nước ngoài.
- Số giờ tiếp sóng các kênh của VTV (nếu có, nếu tiếp nhiều kênh, ghi cụ thể).
- Một số chương trình tiêu biểu.

4. Hoạt động kỹ thuật:

5. Công tác phát triển sự nghiệp:

a) Công tác tổ chức, đào tạo.

b) Công tác đoàn thể.

5. Kết quả truyền dẫn, phát sóng kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên hệ thống dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của các doanh nghiệp cung cấp trên địa bàn:

6. Diện phủ sóng của kênh phát thanh, kênh truyền hình:

7. Các hạ tầng truyền dẫn phát sóng kênh phát thanh, kênh truyền hình:

8. Loại hình hoạt động:

- Đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính hoàn toàn.
- Đơn vị sự nghiệp tự chủ 1 phần. Nêu rõ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.
- Đơn vị sự nghiệp không tự chủ tài chính. Nêu rõ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

9. Kết quả doanh thu (đối với báo cáo quý và năm):

- Doanh thu trước thuế (bao gồm doanh thu quảng cáo và các nguồn thu khác).
- Lợi nhuận sau thuế.
- Nộp ngân sách nhà nước (đối với báo cáo năm).

10. Chi phí sản xuất chương trình:

11. Chi phí mua bản quyền:

...

**Người đứng đầu tổ chức hoạt động
phát thanh/truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 14*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng chương trình dành cho trẻ em
(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh gắn với Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình		Kênh có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ là trẻ em; có nội dung chuyên biệt dành cho trẻ em		Kênh phát thanh, kênh truyền hình khác	
1.	Tổng số lượng chương trình về trẻ em trong năm						
2.	Tổng thời lượng phát sóng chương trình về trẻ em trong năm (phút)						
3.	Tỷ lệ thời lượng chương trình phát sóng về trẻ em trong năm trên tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình (%)						
3.1.	Trong tháng cao điểm						
3.2.	Trong cả năm						
4.	Việc thực hiện phát sóng chương trình cho trẻ em theo Quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy						

định về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm <i>Ghi chú: Nếu thực hiện đúng quy định, đánh dấu (X). Nếu không thực hiện đúng quy định, ghi rõ lý do.</i>						
--	--	--	--	--	--	--

**Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh/truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 15*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng chương trình dân tộc
trên phát thanh, truyền hình
(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh phát thanh, kênh truyền hình gắn với Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình		Kênh phát thanh, kênh truyền hình có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ là người dân tộc; có nội dung chuyên biệt dành cho người dân tộc		Kênh phát thanh, kênh truyền hình khác	
		(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)	(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)	(Tên kênh PT)	(Tên kênh TH)
1.	Tổng số lượng chương trình phát sóng trong năm						
2.	Tổng thời lượng phát sóng trong năm (phút)						
3.	Các ngôn ngữ tiếng dân tộc phát sóng trên kênh						
4.	Khung giờ phát sóng trong ngày						

Người đứng đầu tổ chức
hoạt động phát thanh/truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 16*(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO

Số lượng, thời lượng phim Việt Nam,
phim dành cho trẻ em dưới 16 tuổi trên truyền hình
(Kỳ báo cáo: Năm)

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
 (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

STT	Nội dung	Kênh truyền hình gắn với Giấy phép hoạt động truyền hình		Các kênh truyền hình khác (đối với các Đài PTTH có kênh TH thứ hai trở lên)	
		Phim Việt Nam	Phim cho trẻ em dưới 16 tuổi	Phim Việt Nam	Phim cho trẻ em dưới 16 tuổi
1.	Tổng số lượng đầu phim phát sóng trong năm				
2.	Tổng thời lượng phát sóng trong năm (phút)				
	+ Phát mới				
	+ Phát lại				
3.	Tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam/ phim cho trẻ em dưới 16 tuổi trên tổng thời lượng phát sóng phim trong năm (%)				
4.	Các khung giờ phát sóng trong ngày				

Người đứng đầu tổ chức hoạt động phát thanh/truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 17

(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động liên kết sản xuất)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm 20..

V/v báo cáo định kỳ hoạt động liên kết sản
xuất chương trình phát thanh, truyền hình.

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT
SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, KÊNH CHƯƠNG TRÌNH**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:

Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày.... tháng.... năm....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày tháng.... năm....

2. Báo cáo kênh chương trình liên kết

STT	Kênh chương trình liên kết	Thời gian phát sóng của kênh chương trình liên kết	Thời điểm bắt đầu thực hiện hoạt động liên kết (ghi cụ thể ngày, tháng, năm)	Thời lượng liên kết trên kênh	Hình thức liên kết	Thời hạn liên kết	Thông tin về đối tác liên kết	
							Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên kênh chương trình: - Tôn chỉ, mục đích kênh			Theo thời lượng của kênh chương trình VD: 24h/ngày; 18h/ngày	Liên kết cả kênh			

3. Báo cáo chương trình liên kết

STT	Chương trình	Định dạng	Thời điểm	Thời gian	Thời lượng	Tỷ lệ %	Kênh phát	Hình thức	Thời hạn	Thông tin về đối
-----	-----------------	--------------	--------------	--------------	---------------	------------	--------------	--------------	-------------	---------------------

	liên kết	chương trình	phát sóng (ghi cụ thể ngày, tháng, năm)	phát sóng	phát sóng	trong tổng thời lượng chương trình phát sóng lần 1 trong/ ngày	sóng chương trình liên kết	liên kết	liên kết	tác liên kết	
										Tên đối tác	Địa chỉ
1	- Tên chương trình: - Nội dung	Ví dụ: Tọa đàm/ truyền hình trực tiếp/ phóng sự...					Ví dụ: VTV3				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
-;
- Lưu:

**Người đứng đầu cơ quan
báo chí hoạt động phát
thanh/ truyền hình
(Ký tên, đóng dấu)**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 18

(Áp dụng đối với các cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ
HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH,
TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.... thángnăm 20....

V/v báo cáo hoạt động sản xuất, biên
tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, BIÊN TẬP,
BIÊN DỊCH NỘI DUNG THEO YÊU CẦU**

(Dành cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình
có thực hiện hoạt động này)

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:
Cấp lần đầu ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày.... tháng.... năm....
Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày tháng.... năm....

2. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

- Báo cáo định kỳ theo năm ☐
- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan QLNN ☐

3. Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu

STT (1)	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (AOD, VOD) (2)	Nhóm nội dung thực hiện (3)	Số lượng chương trình				Tổng thời lượng chương trình (đơn vị: phút)			
			Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài		Chương trình trong nước		Chương trình nước ngoài	
			Sản xuất (4)	Biên tập (5)	Biên dịch (nếu có) (6)	Biên tập (7)	Sản xuất (8)	Biên tập (9)	Biên dịch (nếu có) (10)	Biên tập (11)

1	Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AOD, VOD	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội								
		Phim								
		Chương trình thể thao, giải trí								

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
-;
- Lưu:

**Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động
phát thanh, truyền hình**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 19
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v báo cáo định kỳ 6 tháng.

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi:

- Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Văn hóa và Thể thao.

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Tổng số nhân sự:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình:

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ ngày 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Doanh thu, sản lượng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (nếu có)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			
3	Tổng doanh thu			

4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (<i>kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Số lượng thuê bao theo từng loại hình dịch vụ:

Đơn vị tính: Thuê bao

STT	Tên tỉnh, thành phố	Số thuê bao truyền hình trả tiền trên địa bàn cung cấp						
		Truyền hình			Truyền hình mặt đất kỹ thuật số	Truyền hình qua vệ tinh	Truyền hình di động	Phát thanh, truyền hình trên mạng Internet/OTT
		Cáp tương tự	Cáp kỹ thuật số	Cáp giao thức Internet (IPTV)				
1	TP Hà Nội							
2	Hà Giang							
...	...							
63	Cà Mau							
Tổng số								
Tổng số thuê bao của doanh nghiệp								
Tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước								

3. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)

Ghi chú: () chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.*

4. Nội dung thông tin trên dịch vụ:**4.1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu**
(Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)- Cung cấp đủ theo quy định: ☐- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:.....

4.2. Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:

- Kênh.....

- Kênh.....

-.....

4.3. Gói kênh, giá cước:

STT	Gói kênh	Tên gói kênh	Giá gói cước	Thông tin về kênh chương trình phát thanh, truyền hình	
				Các loại kênh chương trình	Số lượng
1	Gói cơ bản			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
2	Gói nâng cao 1 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 2 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	Gói nâng cao 3 (nếu có)			Kênh trong nước	
				Kênh nước ngoài	
	...				

4.4. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị gia tăng: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Cung cấp dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có ☐ Không ☐

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có ☐ Không ☐**5. Cung cấp dịch vụ thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh: (nếu có)**

STT	Tên địa bàn tỉnh, thành phố	Số Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp	Số khách hàng sử dụng dịch vụ		Danh sách kênh truyền hình nước ngoài đang cung cấp
			Tổ chức	Cá nhân	
1	TP Hà Nội				
2	Hà Giang				
...					
63	Cà Mau				
Tổng số					

6. Các thông tin khác:

STT	Nội dung		Số liệu
1	Đánh giá việc thực hiện cam kết theo Giấy phép được cấp (nếu có)		
2 (*)	Các biến động trong hoạt động của doanh nghiệp	Thông tin về hoạt động mua/ bán/ sát nhập: Tên doanh nghiệp, tỷ lệ/ cơ cấu vốn sở hữu vốn,...	
		Khác:....	
3	Kiến nghị, đề xuất (nếu có)		

Ghi chú:

- (*): Báo cáo khi có biến động mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Doanh nghiệp báo cáo định kỳ với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các số liệu phù hợp với địa bàn quản lý của Sở.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 20
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v báo cáo định kỳ số liệu nội
dung cung cấp trên dịch vụ phát
thanh, truyền hình trả tiền.

....., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu đối với dịch vụ có cung cấp kênh chương trình (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Cung cấp đủ theo quy định: ☐
- Cung cấp không đủ theo quy định: ☐

Lý do:

- Tỷ lệ người xem kênh thiết yếu (đối với dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet):

STT	Tên kênh	Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo	Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo
1	VTV 1			
2	ANTV			

3	QPVN			
...	...			

2. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị gia tăng: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Nội dung dịch vụ theo yêu cầu:

☐

Không ☐

STT	Nhóm chương trình	Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/phần)		Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)	
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
	1	2		3	
1	Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội.				
2	Phim (*).				
3	Chương trình thể thao, giải trí.				

Ghi chú: () doanh nghiệp cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.*

+ Giá gói cước dịch vụ theo yêu cầu: (liệt kê đầy đủ thông tin về tên các gói cước, giá các gói cước nội dung theo yêu cầu):

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu:

Có

☐

Không

☐

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng:

Có

☐

Không

☐

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng:

Có

☐

Không

☐

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 21
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v báo cáo định kỳ.

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH QUẢNG BÁ

Kính gửi: - Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Sở Văn hóa và Thể thao.

I. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:.....
- Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....
- Website:.....
- Tổng số nhân sự:.....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/ Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định:.....

II. Thời kỳ báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 20/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Doanh thu, sản lượng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chỉ tiêu	Số liệu do doanh nghiệp tổng hợp	Số liệu đã được kiểm toán (nếu có)	Ghi chú
1	Tổng nguồn vốn			
2	Tổng vốn chủ sở hữu			
3	Tổng doanh thu			
4	Doanh thu dịch vụ truyền hình trả tiền (kê khai đối với từng loại dịch vụ trong trường hợp)			

	<i>doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ)</i>			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Thuế, phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước			

2. Thông tin về dịch vụ:

Thời điểm bắt đầu triển khai cung cấp dịch vụ:.....

Biểu tượng dịch vụ:.....

Kênh chương trình cài đặt biểu tượng dịch vụ:.....

Phạm vi cung cấp dịch vụ:.....

3. Loại hình công nghệ cung cấp dịch vụ: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

4. Nội dung kênh chương trình trên dịch vụ:

STT	Danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ	Thông tin về số, ngày, tháng của văn bản thỏa thuận tiếp nhận tín hiệu kênh chương trình hoặc thỏa thuận bản quyền nội dung kênh chương trình
1		
2		
...		

5. Công nghệ kỹ thuật: (*)

STT	Tên chỉ tiêu	Nội dung báo cáo	Ghi chú
1	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng		Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang áp dụng với từng loại hình dịch vụ (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)
2	Quy trình quản lý chất lượng dịch vụ đang áp dụng		Nêu tên, số hiệu các văn bản do cấp thẩm quyền của doanh nghiệp ban hành (<i>trường hợp doanh nghiệp cung cấp nhiều hơn 1 loại hình dịch vụ</i>)

Ghi chú: () chỉ cung cấp thông tin trong báo cáo định kỳ 12 tháng.*

6. Kiến nghị, đề xuất: (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 22
(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)

TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v báo cáo định kỳ
chất lượng dịch vụ

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:
- Địa chỉ:
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV	☐	☐
Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh	☐	☐
Dịch vụ truyền hình di động	☐	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐	☐
...		

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ ngày 20/6 đến ngày 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:

(Chấp hành: Đánh dấu ☒; Chưa chấp hành: Đánh dấu x)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☐
- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☐

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng:

- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☐

- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên □
- Thực hiện đo kiểm định kỳ □

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

- Đơn vị thực hiện đo kiểm:

Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện đo kiểm:

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm 1).

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

....

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm 2).

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

		quốc gia)			
1					
2					
....					

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

...

Dịch vụ: ... (Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
....					

....

- Địa điểm đo kiểm: (địa điểm đo kiểm ...).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

....., ngày tháng năm

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Kết quả đo kiểm theo từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 22*(Áp dụng đối với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình)***TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP DỊCH VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /
V/v báo cáo định kỳ
chất lượng dịch vụ**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao...

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:
- Địa chỉ:
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV	☐	☐
Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh	☐	☐
Dịch vụ truyền hình di động	☐	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐	☐
....		

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm:

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo - 19/6 của năm báo cáo) ☐
- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ 20/6 - 14/12 của năm báo cáo) ☐

III. Nội dung báo cáo:**1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:**(Chấp hành: Đánh dấu ☒; Chưa chấp hành: Đánh dấu x)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☐

- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☐

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng:

- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☐

- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên ☐

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

- Đơn vị thực hiện đo kiểm:

- Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện đo kiểm:

Dịch vụ: ...(Tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ nhất)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

Dịch vụ: ...(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ hai)...

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định:

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1					
2					
...					

.....

Dịch vụ: ...(tên dịch vụ phát thanh, truyền hình thứ ...)...

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cục PTTH&TTĐT;

- ...

- Lưu:

....., ngày ... tháng năm

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Kết quả đo kiểm phù hợp phạm vi quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 23*(Áp dụng đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước)***TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...)*

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép thiết lập trang thông tin
điện tử tổng hợp cho tổ chức, doanh nghiệp

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên giao dịch quốc tế:.....
- Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....
- Điện thoại/Fax:.....
- Website:.....
- Thư điện tử:.....

3. Nội dung báo cáo *(nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một trang thông tin điện tử tổng hợp cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo lần lượt theo nội dung sau):*

- Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp số ... do...cấp ngày...tháng...năm....
- Tên trang: *(Tên miền, tên ứng dụng)*
- Nội dung thông tin đang cung cấp, các chuyên mục chính:
- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.
- Số lượng nhân sự quản lý nội dung:
- Danh sách cơ quan báo chí có thỏa thuận hợp tác cung cấp nguồn tin *(kèm theo văn bản thỏa thuận cung cấp nguồn tin phát sinh trong kỳ báo cáo, nếu có):*
- Tần suất cập nhật tin, bài *(tính bằng đơn vị/ngày)*; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Báo cáo về hoạt động liên kết nếu tổ chức, doanh nghiệp có liên kết với cơ quan báo chí theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 24 Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Lượt xem trung bình/tháng (*Page view/tháng*); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Lượt truy cập trung bình/tháng (*Unique Visitor/tháng*); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước.

- Các dịch vụ phát sinh doanh thu của trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Danh sách, số lượng khiếu nại của các cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp: Người khiếu nại, nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại:

- Các hành vi vi phạm về nội dung trong kỳ báo cáo đã bị nhắc nhở, xử lý vi phạm:

STT	Thời gian	Nội dung vi phạm	Cơ quan yêu cầu xử lý (Bộ VHTTDL, Sở TT&TT, Doanh nghiệp tự phát hiện)	Kết quả xử lý

- Các vấn đề về kỹ thuật đã gặp phải trong kỳ báo cáo (nếu có):

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 24*(Áp dụng đối với các nền tảng cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam)***TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI**
(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch địa phương.

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp:**2. Nội dung báo cáo** *(nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hơn một mạng xã hội cần báo cáo thì cơ quan, tổ chức báo cáo lần lượt theo nội dung sau):*

- Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội số ... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày...tháng...năm.....

- Tên trang: *(Tên miền, tên ứng dụng)*

- Các dịch vụ có phát sinh doanh thu:

- Doanh thu trong kỳ báo cáo:

- Tổng số nhân sự phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội:..... (trong đó....nam,nữ)

- Số lượng đơn thư khiếu nại của cá nhân, tổ chức khác đối với thông tin trên mạng xã hội: nội dung khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại.

- Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về báo cáo tình hình triển khai giấy phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 25*(Áp dụng đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng)***TÊN TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày tháng... năm...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP THÔNG TIN XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử).**1. Thông tin chung:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân:.....

- Các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:.....

2. Báo cáo chi tiết các dịch vụ cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam:

- Số lượng tài khoản người sử dụng thường xuyên tại Việt Nam (monthly active user):.....

- Doanh thu phát sinh tại Việt Nam trong năm:.....

- Số lượng nội dung vi phạm pháp luật đã được ngăn chặn, gỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:.....

- Số lượng xử lý khiếu nại của người sử dụng dịch vụ:.....

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):*Nơi nhận:*

- Như trên;

.....

- Lưu:...

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 26*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch /Sở Văn hóa và Thể thao)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)*

Kính gửi: - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ...

I. Thông tin chung:**1. Tên doanh nghiệp:** *(Ghi bằng chữ in hoa)*

- Tên giao dịch quốc tế:

- Tên viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ văn phòng giao dịch:.....

- Điện thoại: Fax:

- Website giới thiệu hoạt động của công ty

- Website cung cấp dịch vụ:

- Người quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử

+ Họ và tên:

+ Chức vụ:

+ Số điện thoại liên hệ:

II. Số liệu chung về hoạt động cung cấp dịch vụ:- Số lượng trò chơi hiện đang phát hành tính đến thời điểm báo cáo (*tổng số, đánh giá tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước*):

- Số lượng trò chơi hiện đã dừng phát hành:

- Số lượng nhân sự hiện có (nam/nữ); tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước:.....

- Doanh thu:

+ Doanh thu trong 6 tháng qua; tăng, giảm so với kỳ báo cáo trước (*đối với báo cáo định kỳ 6 tháng/lần*).

+ Doanh thu trong năm: tăng, giảm so với kỳ báo cáo kỳ trước (*đối với báo cáo định kỳ cuối năm*).

+ Số tiền nộp ngân sách nhà nước (*báo cáo cuối năm*).

- Các thay đổi khác (*nếu có*): địa điểm đặt máy chủ, tên miền, kênh phân phối, nhân sự quản lý, những thay đổi liên quan nội dung trò chơi ...

III. Từng trò chơi

Bảng kê các trò chơi điện tử đã và đang cung cấp trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

1. TRÒ CHƠI G1

TT	Tên trò chơi	Số, ngày tháng cấp giấy phép phát hành trò chơi	Ngày, tháng, năm bắt đầu cung cấp trò chơi	Số lượng máy chủ, địa điểm đặt máy chủ	Số lượng nhân sự tham gia vận hành trò chơi	Doanh thu tính đến thời điểm báo cáo	Số vụ tranh chấp, khiếu nại của người chơi; biện pháp xử lý	Phân loại trò chơi theo độ tuổi	Số lượng người chơi	Web cung cấp trò chơi/ hệ thống đại lý
1										
2										

2. TRÒ CHƠI G2, G3, G4

TT	Tên trò chơi	Loại trò chơi (G2, G3 hay G4)	Số, ngày tháng năm của giấy chứng nhận phát hành trò chơi	Ngày, tháng, năm bắt đầu cung cấp trò chơi	Số lượng máy chủ, địa điểm đặt máy chủ	Số lượng nhân sự tham gia vận hành trò chơi	Doanh thu tính đến thời điểm báo cáo	Phân loại theo độ tuổi
1								
2								

3. CÁC TRÒ CHƠI ĐÃ NGỪNG CUNG CẤP

TT	Tên trò chơi	Loại trò chơi (G1, G2, G3 hay G4)	Ngày, tháng, năm dừng phát hành	Lý do dừng phát hành
1				
2				

4. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TRÒ CHƠI

TT	Tên trò chơi	Nội dung thay đổi, bổ sung (liệt kê chi tiết)
1		

- Những khó khăn, vướng mắc:

- Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- Cục PTTH&TTĐT;
- Sở VHTTDL/VHTT các địa phương;
- Lưu:

XÁC NHẬN CỦA
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 27*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG**Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)**1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về thông tin điện tử tại địa phương****1.1. Thống kê chung:**

Trong 06 tháng ... năm..., trên địa bàn tỉnh... có:

- trang thông tin điện tử có tên miền .vn
- ... trang thông tin điện tử có tên miền quốc tế

Trong đó: có ... trang thông tin điện tử đã được cấp Giấy phép (gồm: ... doanh nghiệp, ... cơ quan tổ chức, ... tổ chức tôn giáo, ... khác)

So với cùng kỳ năm trước, tăng/giảm%

1.2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý**1.3. Đánh giá thực thi pháp luật của các đối tượng quản lý**

- Về tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép
- Về đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung theo quy định
- Vấn đề khác

2. Những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị, đề xuất.**3. Phương hướng, nhiệm vụ trong 6 tháng tiếp theo.****Nơi nhận:**

- Như trên:
- Lưu:

GIÁM ĐỐC*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 28*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch / Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ VH TTDL/VHTT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

I. Lĩnh vực phát thanh, truyền hình

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
...						

II. Lĩnh vực thông tin điện tử

STT	Số QĐ xử phạt	Tên cá nhân/ tổ chức vi phạm	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Ghi chú
1						
2						
...						

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIÁM ĐỐC*(Ký, họ tên, đóng dấu/chữ ký số)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ 29*(Áp dụng đối với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)***UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
SỞ VH TTDL/VHTT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRÊN MẠNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG***(Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...)*Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử)

Sở VH TTDL/Sở VHTT tỉnh/thành phố báo cáo hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng trên địa bàn từ ... đến hết ngày như sau:

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử;
2. Công tác ban hành, hướng dẫn triển khai các văn bản về quản lý trò chơi điện tử của địa phương;
3. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng của doanh nghiệp đăng ký có trụ sở tại địa phương: tình hình thực hiện các quy định tại giấy phép, việc đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, nội dung trò chơi, xử lý vi phạm (nếu có), những vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, kiến nghị đề xuất;
4. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động cung cấp trò chơi điện tử trên mạng của các doanh nghiệp có hệ thống máy chủ đặt tại địa phương.

II. Về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên địa bàn:

1. Bảng kê các trò chơi điện tử G2, G3 G4 đã cấp phép trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

TT	Tên trò chơi	Tên DN được	Số GCN, ngày	Nguồn gốc trò chơi	Phân loại độ	Nội dung, kịch	Phạm vi cung cấp	Tên tổ chức, doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính/người đại diện
----	--------------	-------------	--------------	--------------------	--------------	----------------	------------------	---------------------------	-------------------------------------

		cấp	cấp		tuổi	bản		được cấp	theo pháp
								phép	luật

2. Bảng kê các trò chơi G2, G3 G4 dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

T	Tên trò chơi	Số GCN, ngày cấp	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Văn bản thông báo dừng phát hành của DN	Thời hạn dừng phát hành	Ghi chú

3. Bảng kê các doanh nghiệp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận bị đình chỉ, thu hồi, không còn hiệu lực dừng phát hành trong 06 tháng/01 năm qua, bao gồm các thông tin:

T	Số GCN, ngày cấp/GXN	Ngày cấp	Tên DN được cấp	Quyết định đình chỉ/thu hồi	Nội dung đình chỉ/thu hồi	Ghi chú

4. Các trò chơi điện tử trên mạng không phép hoặc trò chơi có nội dung vi phạm quy định của pháp luật về quản lý trò chơi điện tử trên mạng đang được cung cấp lại Việt Nam

TT	Tên trò chơi	Tên miền hoặc cung cấp trò chơi	Tên doanh nghiệp phát hành	Thẻ loại trò chơi (G1, G2, G3, G4)	Thu tiền tại Việt Nam (Có/Không)	Các phương thức thanh toán, hình thức thanh toán
1						
2						

III. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)